TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Ông Đoàn Tấn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 1987; địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 15, tổ 02, đường Nguyễn Văn L, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng B, sinh năm: 1985; địa chỉ nơi cư trú: Ấp T2, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-3-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến gia đình và có quan hệ bất chính người phụ nữ khác nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, quá trình ly thân hai bên có gặp mặt nhau nhưng không bàn bạc được giải pháp đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19-5-2009, hiện con đang sống với chị, khi ly hôn có nguyện vong nuôi con, không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hồng B: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh B vắng mặt, do vậy không có lời trình bày của anh B. Anh B vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do xem như anh B từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị N và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh B không lo cho gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Xét

thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh B.

Về con chung: Giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19-5-2009. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về Tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Toà hôm nay, anh B đã được cấp, tống đạt hợp lệ thông báo, văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như anh B từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung: Chị N và anh B chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân của chị N và anh B đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm chăm sóc gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau; do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19-5-2009. Anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi con Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19-5-2009. Anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ N với anh Lê Hồng B.

2. Về con chung: Giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19-5-2009. Anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010289 ngày 16-3-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- THA Huyện D,
- UNBD xã S;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiều Thị Phượng